

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HSST

Ngày: 07 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Toàn - Hiệu trưởng trường THCS Lê Lợi, TP. Quy Nhơn.
2. Ông Nguyễn Đình Thọ - Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Điện Ảnh là Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2019/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX - HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo :

Nguyễn Văn M. sinh năm 1987 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 4, khu vực 6, phường N., TP. Q., tỉnh B.; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D. sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Kim T. sinh năm 1950; có vợ là chị Nguyễn Thị Thanh H. sinh năm 1991; có 02 con, con lớn 09 tuổi, con nhỏ 02 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 04/10/2019; có mặt.

-Người đại diện hợp pháp cho bị hại Đinh Thị Đ.u (đã chết):

Ông Mai Thành T. sinh năm 1955; trú tại: Thôn H., xã S., huyện H1., tỉnh B.; anh Mai Hữu T1. sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 278/5/1 đường T., TP. Q., tỉnh B.; Chị Mai Thị Thu D. sinh năm 1979; trú tại: Vĩnh Lộc A, Quận B., TP. H.; chị Mai Thị Thu H. sinh năm 1987; trú tại: tỉnh B.; Chị Mai Thị Tuyết Tr. sinh năm 1992; trú tại: Số nhà 851 đường H., TP. Q., tỉnh B. (Là chồng và các con của bị hại Đinh Thị Đ.). Ông T., chị D., chị H., chị Tr. ủy quyền cho anh Mai Hữu T1 theo văn bản ủy quyền ngày 03/9/2019; anh T1 có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Thanh H. sinh năm 1991 trú tại: Tổ 4, khu vực 6, phường N., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/8/2019, Nguyễn Văn M. không có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77X1-4202 do vợ chồng bị cáo mua của ông Trần Đình S. nhưng chưa sang tên chủ sở hữu từ nhà ở Tổ 4, khu vực 6, phường N., TP. Q. đến chợ P. để đi làm. Khi đến trước số nhà 966 đường H. thuộc phường N., TP. Q., M. phát hiện phía trước có bà Đinh Thị Đ. đang đi bộ qua đường, hướng từ phải qua trái theo hướng của xe mô tô M. đang điều khiển, cách xe mô tô khoảng 5m, M. giảm tốc độ, lái xe mô tô về phía bên phải theo chiều xe M. đang lưu thông để đi sau lưng bà Đ. nhưng bà Đ. lại dừng lại nên khoảng cách giữa xe mô tô M. đang điều khiển và bà Đ. quá gần, M. không xử lý kịp, đã để phần phía trước xe mô tô tông vào bên trái người bà Đ. gây ra vụ tai nạn giao thông. Bà Đ. được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B. và chết vào ngày 27/8/2019.

Ngày 05/9/2019, Trung tâm pháp y tỉnh B. kết luận nguyên nhân bà Đinh Thị Đ. chết là do chấn thương gây chảy máu nội sọ chèn ép não điều trị không hồi phục.

Cơ quan CSĐT Công an TP. Q. tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 77X1-4202 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Đình S..

Gia đình bị hại yêu cầu bồi thường chi phí mai táng 55.000.000 đồng, chi phí xây mộ 45.000.000 đồng (không cung cấp hóa đơn, chứng từ), tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 05/CT -VKSQN ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố bị cáo Nguyễn Văn M. về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung hình phạt “ Không có giấy phép lái xe theo quy định” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn M. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo chưa có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 nhưng vẫn điều khiển xe mô tô BKS 77X1- 4202 tham gia giao thông. Khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông, nhìn thấy bà Đ. đi bộ qua đường theo hướng từ phải sang trái theo chiều xe bị cáo đang lưu thông, bị cáo không nhường đường cho người đi bộ, mà điều khiển xe đi sau lưng bà Đ. nên khi bà Đ. dừng lại bị cáo không xử lý kịp đã để phía trước xe bị cáo đang điều khiển tông vào bên trái người bà Đ. làm bà bị thương và chết sau đó một ngày. Bị cáo đã vi phạm khoản 9, Điều 8; khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ gây hậu quả làm chết người nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo M. khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù. Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 591 Bộ luật dân sự (BLDS), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), buộc bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm hại cho những người đại diện hợp pháp của bà Đ. theo quy định của pháp luật; trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô đang thu giữ cho bị cáo và chị Nguyễn Thị Thanh H. nhưng tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

Bị cáo không tự bào chữa.

Đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo có con nhỏ, vợ đang mang thai, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn M. có sức khỏe và trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết rất rõ muốn điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh trên 50cm³ tham gia giao thông cần phải có giấy phép lái xe hạng A1. Bị cáo không có giấy phép lái xe hạng A1, nhưng hàng ngày vẫn điều khiển xe mô tô BKS 77X1 -4202 có dung tích 110 cm³ đi làm. Vào lúc 06 giờ 30 phút ngày 26/8/2019, khi bị cáo điều khiển xe mô tô trên đến trước số nhà 966 đường H. thuộc phường N., TP. Q., tỉnh B., sau khi vượt 02 xe đạp điện đi trước cùng chiều, nhìn thấy bà Đinh Thị Đ. đi bộ qua đường theo hướng từ phải qua trái theo chiều xe bị cáo đang lưu thông khoảng 05m, cho rằng bà Đ. tiếp tục qua đường nên bị cáo không nhường đường cho bà Đ. mà điều khiển xe mô tô định đi sau lưng bà nên khi bà Đ. dừng lại, khoảng cách xe mô tô bị cáo và bà Đ. quá gần, bị cáo không xử lý kịp, đã tông vào phía bên trái người bà Đ. làm bà ngã xuống đường bị thương và chết sau 01 ngày cấp cứu, điều trị tại bệnh viện. Theo kết quả giám định pháp y thì bà Đinh Thị Đ. chết là do chấn thương gây chảy máu nội sọ chèn ép não điều trị không hồi phục. Bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 4 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ làm chết một người nên đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, với tình tiết định khung hình phạt “Không có giấy phép

lái xe theo quy định”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của người khác và trật tự trên lĩnh vực giao thông đường bộ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chung tại địa phương nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau tai nạn đã đưa bị hại đến bệnh viện cấp cứu ngay, đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo với mức án dưới khung hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

Xe mô tô BKS 77X1 -4202 là của vợ chồng bị cáo mua của ông Trần Đình S. nhưng chưa sang tên trên giấy đăng ký quyền sở hữu xe. Bị cáo điều khiển xe tham gia giao thông gây tai nạn làm chết bà Đ. nên theo quy định tại Điều 601 Bộ luật dân sự bị cáo và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh H. phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do tính mạng của bà Đ. bị xâm hại.

Gia đình bị hại yêu cầu bồi thường chi phí mai táng 55.000.000 đồng, chi phí xây mộ 45.000.000 đồng, tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của những người đại diện hợp pháp của bà Đ., căn cứ quy định tại Điều 48 BLHS; Điều 591 BLDS và hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí mai táng 55.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần bằng 50 mức lương cơ sở: $1.490.000 \text{ đồng} \times 50 = 74.500.000 \text{ đồng}$, nhưng ông T1 đại diện cho những người đại diện hợp pháp của bà Đ. chỉ yêu cầu tiền tổn thất tinh thần 50.000.000 đồng nên chấp nhận theo yêu cầu của ông T1. Không chấp nhận tiền xây mộ vì pháp luật không quy định. Như vậy, bị cáo và chị H. phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bà Đ. 105.000.000 đồng, bị cáo và chị Hồng đã bồi thường 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường 100.000.000 đồng.

[5] Xử lý vật chứng:

Xét xe mô tô đang thu giữ là tài sản chung của bị cáo và chị H. nên trả lại xe này cho bị cáo và chị H., nhưng bị cáo và chị H. chưa bồi thường xong thiệt hại cho gia đình bị hại nên tiếp tục tạm giữ chiếc xe để bảo đảm cho việc thi hành án.

[6] Về án phí

Bị cáo bị kết án về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và chị H. phải tiếp tục bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm hại cho gia đình bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136; Điều 135 BLTTHS; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M. phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M. 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 591; Điều 601 BLDS

Buộc bị cáo và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh H. tiếp tục bồi thường thiệt hại do tính mạng bà Đ. bị xâm hại cho những người đại diện hợp pháp của bà do ông Mai Hữu T1 làm đại diện số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Mai Hữu T1 có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo và chị Nguyễn Thị Thanh H. không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền bị cáo và chị H. có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường, thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357; Điều 468 BLDS.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Trả lại xe mô tô biển số 77X1-4202, nhãn hiệu PSMOTO, số máy FMH-001216, số khung: 7XE-01216, màu sơn: Đen-Xám, đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số: 0070800, biển số đăng ký: 77X1-4202, nhãn hiệu PSMOTO, tên chủ xe Trần Đình Sơn - 1962 cho bị cáo và chị Nguyễn Thị Thanh H. nhưng tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q., tỉnh B.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 135 BLTTHS; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo và chị Nguyễn Thị Thanh H. chịu 5.000.000 (Năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi họ cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

